

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước hực hiện năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	55.000	214.366	389,8%	138,9%
I	Thu cân đối NSNN	55.000	70.000	127,3%	112,0%
1	Thu nội địa	55.000	70.000	127,3%	112,0%
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		144.366		157,1%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.101.150	1.225.927	111,3%	128,8%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	829.482	897.590	108,2%	113,7%
1	Chi đầu tư phát triển	36.645	39.051	106,6%	82,2%
2	Chi thường xuyên	776.247	858.539	110,6%	115,8%
3	Dự phòng ngân sách	16.590	-		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	271.668	328.337	120,9%	202,3%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước hực hiện năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	55.000	70.000	127,3%	112,0%
I	Thu nội địa	55.000	70.000	127,3%	112,0%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	1.000	1.335	133,5%	116,2%
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	20.300	30.175	148,6%	147,3%
3	Thuế thu nhập cá nhân	2.450	2.500	102,0%	109,7%
4	Lệ phí trước bạ	6.200	8.000	129,0%	104,6%
5	Thu phí, lệ phí	1.600	1.600	100,0%	102,4%
6	Các khoản thu về nhà, đất	17.650	19.770	112,0%	92,3%
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	2.700	3.000	111,1%	99,2%
8	Thu khác ngân sách	3.000	3.520	117,3%	73,9%
9	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	100	100	100,0%	62,5%
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	51.000	64.935	127,3%	112,9%
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	51.000	64.935	127,3%	112,9%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước hực hiện năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.101.150	1.225.927	111,3%	128,8%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	829.482	897.590	108,2%	113,7%
I	Chi đầu tư phát triển	36.645	39.051	106,6%	82,2%
1	Chi đầu tư cho các dự án	36.645	39.051	106,6%	82,2%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	776.247	858.539	110,6%	115,8%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	503.288	523.946	104,1%	113,7%
2	Chi khoa học và công nghệ	415	415	100,0%	131,7%
3	Chi y tế, dân số và gia đình	315	315	100,0%	170,3%
4	Chi văn hóa thông tin	4.356	4.971	114,1%	140,3%
5	Chi phát thanh, truyền hình	3.277	3.277	100,0%	87,5%
6	Chi thể dục thể thao	615	615	100,0%	99,7%
7	Chi bảo vệ môi trường	7.000	9.000	128,6%	203,6%
8	Chi hoạt động kinh tế	50.095	82.525	164,7%	124,1%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	131.183	148.267	113,0%	118,2%
10	Chi bảo đảm xã hội	57.210	65.717	114,9%	115,8%
III	Dự phòng ngân sách	16.590			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	271.668	328.337	120,9%	202,3%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	269.834	326.503	121,0%	205,4%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	1.834	1.834	100,0%	55,8%